TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2026
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hoàng Hân

Ông Hứa Trọng Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Minh N, sinh năm 1990 (xin vắng).

Căn cước công dân số: 096090020277; cấp ngày 18/11/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096187009728; cấp ngày 16/08/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Trương Minh N trình bày:***

- Về hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu nên ông Trương Minh N và bà Võ Thị Đ thành hôn với nhau vào năm 2018. Hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau).

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà Đ thường xuyên tự ý bỏ nhà đi nhiều lần không rõ lý do, ông N có khuyên nhưng bà Đ không sửa đổi mà còn phát sinh tình cảm với người đàn ông khác. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông và bà Đ quyết định sống ly thân từ tháng 4 năm 2025 cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông N yêu cầu ly hôn với bà Đ.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 13/6/2018 (nữ); Trương Chí N1, sinh ngày 14/12/2019 (nam) và Trương Triệu M, sinh ngày 24/8/2021 (nữ). Con chung đang sống chung với ông N nên khi ly hôn ông N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn bà Võ Thị Đ:*

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà Đ không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông N. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Đ vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Minh N yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Đ nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp xin ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà Đ cư trú tại ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Ông Trương Minh N có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N là phù hợp.

Đối với bà Võ Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đ.

[2]. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Ông Trương Minh N và bà Võ Thị Đ kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau) vào ngày 27 tháng 05 năm 2022 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 nên hôn nhân giữa ông N và bà Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Ông N yêu cầu ly hôn với bà Đ vì cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, bà Đ không chung thủy trong vấn đề tình cảm.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa ông N và bà Đ đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải để hàn gắn hôn nhân nhưng bà Đ vẫn không tham gia, chứng tỏ bà Đ không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với ông N. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông

Trương Minh N đối với bà Võ Thị Đ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 13/6/2018 (nữ); Trương Chí N1, sinh ngày 14/12/2019 (nam) và Trương Triệu M, sinh ngày 24/8/2021 (nữ). Con chung đang sống chung với ông N nên khi ly hôn ông N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 03 người con chung.

Xét thấy, trong khoảng thời gian ông N và bà Đ không chung sống với nhau thì cháu H, cháu N1 và cháu M đều do ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định bên ông N. Mặt khác, cháu H có nguyện vọng sống chung với ông N trường hợp cho mẹ cháu ly hôn nên Hội đồng xét xử giao cháu Trương Gia H, sinh ngày 13/6/2018 (nữ); Trương Chí N1, sinh ngày 14/12/2019 (nam) và Trương Triệu M, sinh ngày 24/8/2021 (nữ) cho ông N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được khấu trừ, án phí nguyên đơn đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trương Minh N. Cho ông Trương Minh N được ly hôn bà Võ Thị Đ.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 13/6/2018 (nữ); Trương Chí N1, sinh ngày 14/12/2019 (nam) và Trương Triệu M, sinh ngày 24/8/2021 (nữ) cho ông Trương Minh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng ông Trương Minh N phải chịu, ông N có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002712 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh C được đối trừ, án phí ông N đã nộp đủ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hồng Ngân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 5 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 – Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tân Ân;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.